

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/AgriS Gia Lai/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Điện thoại: 0269 365 7345

Fax:

E-mail: ttesgialai@ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5900421955

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở đã có chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000, số giấy chứng nhận: COID-VNM-1-6756-214240 được cấp bởi Bureau Veritas Certification.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP**

2. Thành phần: Đường mía 100%.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

– Quy cách đóng gói: Bao 50kg, bao 1000kg.

– Chất liệu bao bì:

Bao 50kg: Sản phẩm chứa trong bao hai lớp. Lớp bao PE bên trong và lớp bao PP bên ngoài.

Bao 1000kg: Sản phẩm chứa trong bao hai lớp. Lớp bao PE bên trong và lớp bao PP bên ngoài. Miệng trên bao có kết cấu ống nạp, đáy bao có ống xả, bao được thiết kế có 4 quai nâng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

– QCVN 8-2:2011/BYT: Giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	1,0
2	Hàm lượng Cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,5
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05



2. Thông tư của các bộ, ngành

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP: Nhân hàng hóa.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về Nhân hàng hóa.

3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất: TCCS 01:2025/AgriS Gia Lai

3.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng hạt tương đối đồng đều, khô, rời.
- Màu sắc: Tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cất với tỉ lệ đến 50% (khối lượng/ thể tích) cho dung dịch trong.
- Mùi vị: Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt tự nhiên, không có mùi, vị lạ.

3.2. Các chỉ tiêu hóa lý:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ Pol	$^{\circ}\text{Z}$	$\geq 99,7$
2	Độ ẩm	%	$\leq 0,05$
3	Độ màu	ICUMSA	≤ 120
4	Độ tro dẫn điện	%	$\leq 0,07$
5	Hàm lượng đường khử	%	$\leq 0,07$
6	Hàm lượng SO_2	mg/kg	< 10

3.3. Các chỉ tiêu vi sinh:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/10g	≤ 200
2	Nấm men	CFU/10g	≤ 10
3	Nấm mốc	CFU/10g	≤ 10

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Gia Lai., ngày 29 tháng 10 năm 2025
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN (Ký tên, đóng dấu)



Vũ Thị Lan



200 mm

30 mm

ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP 50 KG



ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP PREMIUM WHITE SUGAR

KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT): 50 kg
THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA 100%

Sản phẩm của
CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI
561 Trần Hưng Đạo, Phường Ayun Pa, Gia Lai
Website: www.ttcagris.com.vn
Xuất xứ: Việt Nam



TU HẠO LÀ THÀNH VIÊN



HOTLINE
0269 365 7345



- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RAO, THÔNG MÁT. TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
- THÔNG TIN CẢNH BÁO: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG
- NGÀY SẢN XUẤT ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



NSX/MFG: 08/08/15 EBC 1234567

30 mm

ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP 50 KG

100 mm



18 cm

15 cm



ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP

PREMIUM WHITE SUGAR

Thành Phần

Đường mía 100%

Khối lượng tịnh

1000 kg

HOTLINE
0269 365 7345



Sản phẩm của:
CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI
561 Trần Hưng Đạo, Phường Ayun Pa, Gia Lai
Website: www.ttcagris.com.vn



TU HAO LÀ THÀNH VIÊN



LIÊN MINH
TÀI CHẾ BẢO BÌ
VIỆT NAM

Xuất xứ: Việt Nam

- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM.
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT. TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI.
- THÔNG TIN CẢNH BÁO: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG.
- NGÀY SẢN XUẤT ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ.
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.



KT3-00351BTP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

06/02/2025
Page 01/04

- Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 16/01/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 17/01/2025 - 06/02/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI
561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayun Pa,
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02-04/04

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 5 TỈNH GIA LAI
CHỨNG NHẬN BÀN SAO NÀY
ĐÚNG BÀN CHÍNH

Số: 9233... Quyển: 211201
Ngày: 23/10/2025



Ngô Quốc Việt



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Văn Bảy

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là chứng nhận chất lượng.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ th.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses th.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-00351BTP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

06/02/2025
Page 02/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan (*)/ Sensory test - Trạng thái / State - Màu sắc / Color - Mùi vị / Odor & taste	QTTN/KT3 234 : 2019			Dạng hạt tương đối đồng đều, khô, rời <i>Crystal, relatively same in size, dry, no curdle</i> Tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cất với tỉ lệ đến 50% (khối lượng / thể tích) cho dung dịch trong <i>White crystal, clear solution when adding in distilled water with the ratio 50% (m/v)</i> Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt tự nhiên, không có mùi, vị lạ <i>Sugar crystal or sugar solution in water has naturally sweet taste, free from foreign odor & taste</i> 99,8
7.2. Độ Pol ở 20°C (°Z) <i>Polarization at 20°C</i>	GS 1/2/3/9-1 (2011) ICUMSA			99,8

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 5 TỈNH GIA LAI
CHỨNG NHẬN BẢN SAO NÀY
ĐÚNG BẢN CHÍNH
Số: 4234 Quyển: 21/2025
Ngày: 25/10/2025



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Bảy

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-00351BTP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



06/02/2025
Page 03/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.3. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % Reducing sugars content (m/m)	GS 2/3/9 - 5 (2011) ICUMSA		-	4,40 x 10 ⁻²
7.4. Độ màu ICUMSA / Color, IU	TCVN 6333 : 2010		-	101
7.5. Hàm lượng canxi, mg/kg Calcium content	GS 8/2/3/4 - 9 (2000) ICUMSA		-	48,3
7.6. Hàm lượng tạp chất không tan trong nước, mg/kg Insoluble-water impurities content	GS 2/3/9 - 19 (2007) ICUMSA		-	6,00
7.7. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 196 : 2018 (Ref: AOAC (2013.06))	2,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng đồng, mg/kg Copper content	QTTN/KT3 295:2021 (Ref: AOAC 999.11)	0,12		Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	AOAC 2019 (2013.06)	1,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427 : 2010	1,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	QTTN/KT3 064 : 2016	1,50x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg Aflatoxin B1 content	TCVN 7596 : 2007	0,25		Không phát hiện Not detected

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 5 TỈNH GIA LAI
CHỨNG NHẬN BẢN SAO NÀY
DÙNG BẢN CHÍNH
Số: 4235/Quyết định 2025
Ngày: 29/10/2025



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Bay

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu có giá trị đối với mẫu khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-00351BTP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



06/02/2025
Page 04/04

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.13. Hàm lượng aflatoxin, Aflatoxin content • B1 • B2 • G1 • G2	TCVN 7596 : 2007	0,25 0,25 0,25 0,25		Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected
7.14. Hàm lượng phthalate, Phthalate content • Di(2-ethylhexyl)-phthalate (DEHP)	QTTN/KT3 076 : 2018			Không phát hiện Not detected

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 5 TỈNH GIA LAI
CHỨNG NHẬN BẢN SAO NÀY
ĐÚNG BẢN CHÍNH
Số... 4.256... Quyển... 04/2025
Ngày... 29/10/2025



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Bảy

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, in 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-00351BTP5/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

06/02/2025
Page 01/01

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 16/01/2025
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 17/01/2025 - 06/02/2025
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI
561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayun Pa,
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Customer
7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Độ ẩm tính theo khối lượng, % <i>Moisture content (m/m)</i>	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	2,10 x 10 ⁻²
7.2. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % <i>Conductivity ash content (m/m)</i>	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA	2,50 x 10 ⁻²

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 5 TỈNH GIA LAI
CHỨNG NHẬN BẢN SAO NÀY
ĐÚNG BẢN CHÍNH
Số... 4237... Quyển... 01/2025
Ngày... 24/01/2025

Nguyễn Thành Công

Ngô Quốc Việt



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Bay

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer's name are recorded according to customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được in/sao một phần/phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-00351BTP5/1-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

06/02/2025
 Page 01/01

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
 Mẫu đựng trong túi nhựa.
 As received sample is contained in plastic bag.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 16/01/2025
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 17/01/2025 - 06/02/2025
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI
 561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayun Pa,
 Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Customer
7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg Sulfur dioxide content	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA	1,82

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
 HEAD OF FOOD TESTING LAB

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
 TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
 HEAD OF TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công



CÔNG CHỨNG VIÊN
 Nguyễn Văn Bảy



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viets 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-00351BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

06/02/2025
Page 01/02

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG TRẮNG CAO CẤP
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 16/01/2025
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 17/01/2025 - 06/02/2025
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI
Customer
561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02/02
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Bảy



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được in/sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-00351BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

06/02/2025
Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Thử nghiệm GMO/ <i>GMO Testing</i> Phát hiện DNA thực vật dựa vào gen actin Phương pháp Real time PCR <i>Detection of actin gene (actin gene)</i> Real-time PCR technique	QTTN/KT3 287:2021 Real time PCR	10 copies	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.2. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g <i>Mesophillic bacteria</i>	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-	6,0 x 10 ⁰
7.3. Tổng số nấm men, CFU/10 g <i>Total yeasts</i>	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.4. Tổng số nấm mốc, CFU/10 g <i>Total moulds</i>	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.5. Coliform, CFU/g	ISO 4832:2006	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.6. <i>E. Coli</i> già định/g	ISO 7251:2005/ Amd 1:2023	-	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.7. <i>Salmonella</i> spp./ 25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.8. Enterobacteriaceae, CFU/g	ISO 21528-2:2017	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.9. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/g	AOAC 2023 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.10. Nhóm <i>Bacillus cereus</i> , CFU/g <i>Bacillus cereus</i> group	AOAC 2023 (980.31)	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.11. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	TCVN 4991:2005	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>
7.12. Vi khuẩn kỵ khí khử sulfite, CFU/g <i>Sulfite reducing bacteria growing under anaerobic conditions</i>	ISO 15213-1:2023	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ <i>Less than</i>

Ghi chú/ Notes: (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g; 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g; 10 CFU/g when the dish contains no colony.*

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



AR-25-VD-018646-01-VI / EUVNHC-00317777- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI

561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayun Pa

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : DB9M2501230668-BL

Mã số Eol :

005-32410-398798

Tên mẫu :

Đường trắng cao cấp

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong túi zip

Ngày nhận mẫu :

04/02/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 07/02/2025

Thời gian thử nghiệm :

05/02/2025 - 07/02/2025

Mã số mẫu : 743-2025-00016362

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204 (Ref. QuPpe-Method, Ref. AppNote 9/2013, GERSTEL)	Không phát hiện (LOD=0.003)
2	VD2PV VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
3	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
5	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
6	VD2S6 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
7	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
8	VD2UB VD Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
9	VD2Q0 VD (a) Cypermethrins (bao gồm alpha và zeta - cypermethrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
10	VD2Q2 VD Dicamba	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
11	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
12	VD36H VD (a) 2-chloroethanol	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-10395 (Ref. Journal of Food Composition and Analysis 19.1 (2006) 83-87)	Không phát hiện (LOD=0.003)
13	VD36H VD (a) Ethylene oxide	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-10395 (Ref. Journal of Food Composition and Analysis 19.1 (2006) 83-87)	Không phát hiện (LOD=0.003)
14	VD36H VD (a) Ethylene oxide (Tổng của ethylene oxide và 2-chloro-ethanol quy ra ethylene oxide)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-10395 (Ref. Journal of Food Composition and Analysis 19.1 (2006) 83-87)	Không phát hiện (LOD=0.003)

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

Web: www.eurofins.vn

Document number: EVN-P-AR-FO3559

[3] Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, Ha Noi.

Phone: (84.28) 7107 7879

Version: 10

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com

Effective date: 24/05/2023



AR-25-VD-018646-01-VI / EUVNHC-00317777- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00016362

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
15	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
16	VD2P5 VD (a) Isoxaflutole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
17	VD2SF VD (a) Mesotrione	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
18	VD2PH VD (a) Novaluron	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
19	VD2R5 VD (a) Propiconazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
20	VD2QT VD (a) Tebufenozide	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
21	VD2TK VD (a) Trinexapac-ethyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 5 TỈNH GIA LAI
CHỨNG NHẬN BẢN SAO NÀY
ĐÚNG HẸN CHÍNH
Số: 422/2025 Quyển: 01/2025
Ngày: 25/10/2025

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 08/02/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 08/02/2025.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải tại www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.